

Số: 05 /2016/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục
đào tạo và dạy nghề công lập và chính sách miễn, giảm học phí,
hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh
từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN KHÓA X, KỶ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2167/TTr-UBND ngày 21/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Tờ trình số 2167/TTr-UBND ngày 21/6/2016 của UBND tỉnh về Quy định mức thu, quản lý và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

1. Về thu học phí:

a) Mức thu học phí:

- Mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông:

Bậc học	Mức thu học phí theo vùng (nghìn đồng/học sinh/tháng)		
	Thành thị	Nông thôn	Miền núi
1. Mầm non			
- Nhà trẻ	60	38	20
- Mẫu giáo 01 buổi	60	30	15
- Mẫu giáo bán trú, 02 buổi	150	38	20
2. Trung học cơ sở	60	30	10
3. Trung học phổ thông	75	45	25

- Mức thu học phí đối với giáo dục đại học (các trường cao đẳng), giáo dục nghề nghiệp (các cơ sở dạy nghề):

Nhóm ngành nghề	Mức thu học phí theo từng năm học (nghìn đồng/tháng/sinh viên)									
	Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018 - 2019		Năm học 2019 - 2020		Năm học 2020 - 2021	
	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD
Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	330	380	360	410	400	460	430	500	480	550
Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	390	440	430	490	470	540	520	600	570	660
Y dược	480	550	530	600	580	660	640	730	700	800

- Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông chất lượng cao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng thực hiện theo đúng chế độ quy định hiện hành.

- Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên; các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên và đào tạo kỹ năng, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác; học phí đào tạo tính theo tín chỉ, mô đun: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

b) Các vùng trong tỉnh được xác định để thu học phí đối với giáo dục mầm

non và phổ thông:

Khu vực thành thị gồm các phường và thị trấn; khu vực miền núi gồm các xã thuộc khu vực II, khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn được công nhận theo các văn bản hiện hành của Ủy ban Dân tộc và các xã thuộc huyện Phú Quý; khu vực nông thôn gồm các xã còn lại.

2. Việc tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ

3. Thời gian thực hiện: mức thu học phí; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập nói trên áp dụng từ đầu năm học 2016 - 2017.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Quá trình thực hiện, nếu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh mức thu học phí của giáo dục mầm non và phổ thông nêu tại Điều 1 Nghị quyết này theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo thì HĐND tỉnh ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh căn cứ tình hình thực tế địa phương để quyết định việc điều chỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Ban Tỉnh ủy;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Hào.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

190